

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Phạm Công Gia.**

**2. Ông Đinh Tuấn Đạt.**

***Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:***  
**Ông Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T – sinh năm: 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp NL 2, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ 5, ấp Thọ Lâm 2, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

***Bị đơn:*** Anh Tạ Văn V – sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp NL 2, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị T và anh V có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Văn V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã PT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp,

thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh V không quan tâm, chăm sóc gia đình. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 3/2020 vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tạ Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Tạ Thị Tường V1 – sinh ngày: 18/4/2016.

Từ khi chị và anh V ly thân nhau đến nay, cháu V1 do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/3/2022, bị đơn anh Tạ Văn V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 18/12/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp và mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2020, chị T bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, anh đã không còn tình cảm với chị T nhưng chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh theo đạo Công giáo không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Tạ Thị Tường V1 – sinh ngày: 18/4/2016.

Từ khi anh và chị T ly thân nhau đến nay, cháu V1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Chị T giao nộp: Căn cước công dân của chị T (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú của chị T và anh V (bản chính); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Chi tiết giao dịch tài khoản kiêm báo nợ - báo có (bản chính); Bản tự khai ngày 07/3/2022 của chị T (bản chính). Anh V giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/3/2022 của anh V (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh tại địa phương; Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với anh Tạ Văn V. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tạ Văn V.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Tạ Thị Tường V1 – sinh ngày: 18/4/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tạ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Tạ Văn V. Anh V đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị T và anh Tạ Văn V là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị T và anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị T và anh V kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 18/12/2015. Nay chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh V nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào ngày 18/12/2015. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn vì tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Anh V thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình. Hiện tại anh V không còn tình cảm với chị T nhưng anh V không đồng ý ly hôn do anh theo Đạo Công giáo không cho phép ly hôn.

Qua ý kiến thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương (bút lục 26 – 27) thể hiện trong cuộc sống chung của chị T và anh V có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn V.

[3.2]. Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Tạ Thị Tường V1 – sinh ngày: 18/4/2016.

Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bản thân chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị T và anh V sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị T. Hơn nữa, anh V cũng đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Tạ Thị Tường V1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Văn V.

2. Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Tạ Thị Tường V1 – sinh ngày: 18/4/2016.

Giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tạ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh V kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002353 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T và anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 148, cấp ngày 18/12/2015);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**